

Bản án số: 45/2023/HS-ST
Ngày: 22-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Khanh**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trương Văn Tân**

Ông **Lê Văn Thường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Văn Chung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Châu** và ông **Nguyễn Văn Tiến** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2023, đối với các bị cáo:

1- Mai Tấn L, sinh năm 1983 tại tỉnh B; Tên gọi khác: K; Nơi cư trú: ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hoá: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Tấn T và bà Nguyễn Thị Y; Bị cáo Lộc có vợ tên Cao Thị Thanh T, sinh năm 1985, cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B, bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/3/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2- Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1996 tại tỉnh T; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị Cà M; Bị cáo N có chồng tên Phạm Văn C, sinh năm 1990, cư trú: xã N, huyện C, tỉnh T (đã ly hôn), bị cáo có 01 con sinh năm 2016; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/3/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3- Trần Văn V, sinh năm 1998 tại tỉnh T; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: ấp H, xã M, huyện C, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 08/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; Bị cáo V chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/3/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4- Trần Thanh Q, sinh năm 1999 tại tỉnh T; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn G và bà Nguyễn Thị C; Bị cáo Q chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/3/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh **Trần Văn D**, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp số 1, xã Đ, huyện K, tỉnh S. (xin vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị **Cao Thị Thanh T**, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh T; (có mặt)

+ Ông **Trần Văn G**, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh T; (có mặt)

+ Anh **Phan Thanh T**, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh T. (có mặt)

+ Bà **Nguyễn Thị Cà M**, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T; (có mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Anh **Lê Tấn H**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)

+ Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số 254/13/4/2 Lê Quang Công, Khu phố A, Phường B, thị xã C, tỉnh T; (vắng mặt)

+ Anh **Huỳnh Ngọc S**, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)

+ Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp Đ, xã M, huyện K, tỉnh S; (vắng mặt)

+ Anh **Trần Văn Điền**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp Số 1, xã Đ, huyện K, tỉnh S; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Mai Tấn L, Nguyễn Thị Kiều N, Trần Văn V và Trần Thanh Q bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng tháng 7/2021 Mai Tấn L quen biết với Trần Văn D, sinh năm 1991, ĐKTT: ấp Số 1, xã Đ, huyện K, tỉnh S đang làm công nhân tại Khu công nghiệp Long Giang thuộc ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang và sống tại nhà chị ruột tên Trần Bích T, sinh năm 1985, ĐKTT: ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh

T và cũng là hàng xóm cạnh bên nhà của L đang sinh sống. Quá trình quen biết nhau thì D đã nhiều lần mượn tiền của L với tổng số tiền là 153.000.000 cùng với số tiền lãi trong thời gian 10 tháng và bỏ đi khỏi địa phương nên L nhiều lần liên hệ, đi tìm nhưng vẫn không gặp được D.

Đến đầu tháng 11/2022, L thỏa thuận với Nguyễn Thị Kiều N lên mạng xã hội Tiktok tìm và thả tim (Like) trang cá nhân để D chủ động làm quen kết bạn với N nhằm làm cho D xuất hiện. Sau đó N sẽ cung cấp thông tin nơi D xuất hiện thì L sẽ trả thù lao cho N là 50.000.000 đồng. L cung cấp nickname của D thì N tìm trên ứng dụng Tiktok trang cá nhân của D và thả tim vào các video D đăng và D đã kết bạn, nói chuyện tình cảm với N.

Đến ngày 15/11/2022, D hẹn gặp để tổ chức sinh nhật cho N vào ngày 20/11/2022 nên N nói cho L biết và L thao tác ứng dụng từ tài khoản số 71010001024035 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chuyển số tiền 5.000.000 đồng đến tài khoản 0671000437333 của N mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Đến ngày 19/11/2022, trong khi nói chuyện thì D hẹn gặp N tại ngã tư thị xã C vào lúc 08 giờ ngày 20/11/2022 nên N tiếp tục nói cho L biết. Khi L biết D sẽ xuất hiện nên đi tìm Trần Văn V, Trần Thanh Q và cũng đang là chủ nợ của D để hẹn nhau đi tìm D. L liên hệ với Lê Tấn H, sinh năm 1982, ĐKTT: ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh T là tài xế xe dịch vụ để thuê xe ô tô.

Khoảng 05 giờ ngày 20/11/2022 H điều khiển xe ô tô 07 chỗ biển số 63A – 191.43 đến nhà của L. Lúc này thì V, Q cũng đến và có thêm 04 thanh niên (Chưa rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) do L rủ đến. L chuẩn bị sẵn **01 đoạn dây xích, 01 cuộn băng keo và 02 thanh kiếm** để trên xe và yêu cầu H chờ đến ngã tư thị xã C thuê khách sạn và chờ D xuất hiện.

Khoảng 06 giờ 50 phút cùng ngày, Lộc đến khách sạn V tại số 690 Khu phố 2, Phường B, thị xã C, tỉnh T do Trương Thị Thanh N, sinh năm 1960 làm chủ. L nhắn tin cho N biết khi D rủ vào nhà nghỉ thì dẫn D vào khách sạn này.

Khi gặp chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1967, ĐKTT: Số 254/13/4/2 Lê Quang Công, Khu phố A, Phường B, thị xã C, tỉnh T là nhân viên tiếp tân của khách sạn thì L yêu cầu bố trí N, D vào phòng số 4 vì L và 01 thanh niên chưa rõ họ tên trên vào phòng số 9; V, Q và 01 thanh niên vào phòng số 5 còn H và 02 thanh niên còn lại đi uống cà phê.

Khoảng 07 giờ cùng ngày, N điều khiển xe 63B2 – 706.26 từ nhà đến ngã tư thị xã C chờ đón D. Khoảng 08 giờ cùng ngày thì D đi trên xe ô tô khách từ S đến. Sau đó, D chở N đi ăn sáng, mua bánh kem và D rủ N vào khách sạn nên N dẫn D vào khách sạn V trên.

Lúc 09 giờ 08 phút cùng ngày, D chở N vào thuê phòng 4 của khách sạn. Khi vào phòng được khoảng 05 phút, N chụp hình bánh kem đăng trên trang nhật ký Zao làm ám hiệu cho L (Vì cả hai đã thống nhất từ trước). Khi thấy N đăng hình, L cùng với V, Q và các thanh niên trên chuẩn bị ập vào phòng, bên trong phòng do D nghe được tiếng ồn ào phía trước nên mở cửa ra xem thì L, V, Q và

các thanh niên trên xông vào phòng, V đè D xuống giường, L tán vào mặt D 02 cái và sau đó dùng băng keo trói tay D lại.

Lúc này, Dũla hết nên chị C nghe được và dọa báo Công an thì L kêu đưa D lên xe ô tô thì V lôi kéo D lên xe 63A – 191.43, L thanh toán tiền thuê phòng và gặp N tại quầy tiếp tân, N yêu cầu L lấy điện thoại của D xóa thông tin kết bạn với N. L cùng V, Q và các thanh niên trên lên xe để H chở D rời khỏi khách sạn V, N điều khiển xe về nhà.

Đến 11 giờ 17 phút cùng ngày, Trần Thanh Q liên lạc cuộc gọi trên mạng xã hội Facebook với Lê Đình T, sinh năm 1996, ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T nhưng T không nhận cuộc gọi, Q nhắn tin cho T có nội dung: “*A Alo. Phần tiền thũ e lay dùm a... koa j người nhà nó xuop e dt a ra giáp mặt cái nhek*” và gửi kèm theo 02 hình ảnh về D. Trong đó có 01 tấm ảnh D bị quán băng keo ngồi trên xe ô tô và 01 tấm ảnh D bị đè trên giường, kèm theo dòng chữ “*Nào thấy tn Tl lại e*”. Khi xe về đến ngã tư Đồng Tâm, L kêu dừng lại để mua 02 ổ khoá để khoá chân D. Khi về đến Kinh Tùng Mươi, 04 thanh niên trên xuống xe, L trả thù lao 500.000 đồng/01 người còn L điều khiển xe 63A – 154.09 chở D, V, Q về nhà tại ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh T.

D được L, V, Q dẫn vào nhà ngồi trên ghế sofa trong tình trạng 02 chân bị xích và 02 tay đang trói bằng băng keo. Sau đó, V và Q ra về, L dùng gậy bóng chày đánh D nhiều lần để ép D viết giấy nợ với tổng số tiền là 275.400.000 đồng.

Sau đó, L gọi điện thoại cho Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1986, ĐKTT: ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh T (Là chồng chị T) nói cho S biết là L đang bắt giữ D và kêu S về bảo lãnh để trả nợ, S hứa và gọi điện thoại cho Trần Văn Đ, sinh năm 1992 là em ruột và ngụ cùng địa chỉ với D nói D bị L bắt giữ và kêu bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957, ĐKTT: Ấp Đ, xã M, huyện K, tỉnh S (Mẹ của D) đến bảo lãnh để trả nợ. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, T liên lạc lại với Q và nhờ Q dẫn đến nhà L để T đòi D về số tiền 15.000.000 đồng mà D đang nợ của T nhưng không được nên T ra về. Trước đó, khoảng 14 giờ cùng ngày, N đến nhà L nhận số tiền 45.000.000 đồng.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, bà T đến nhà của L nhưng L chửi và đuổi về do không mang tiền trả nợ. Khoảng 20 giờ cùng ngày, V và Q nghe người nhà của D đến nên đến nhà L và sau đó cùng D đến nhà chị T để buộc D viết giấy nợ với số tiền 310.000.000 đồng. Sau đó, V và Q dẫn D trở về nhà L, L dùng dây xích khoá chân D vào ghế salon gỗ và đi ngủ.

Đến 00 giờ ngày 21/11/2022, tiếp nhận tố giác của người dân Công an xã T phát hiện lập biên bản vụ việc và D được đưa đến Bệnh viện đa khoa Tiền Giang điều trị thương tích đến ngày 24/11/2022 thì xuất viện.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 383/2022/TgT ngày 13/12/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Trần Văn D là 05%.

Trong đó, vết thay đổi sắc tố da mi dưới mắt trái là 01%, sưng nề vùng đỉnh phải trên nền có vết sẹo là 01 %, nghe kém tay trái mức độ nhẹ 03% và thương tích do vật tầy gây nên.

Về thu giữ tang vật:

- 03 (ba) tờ vé số 11K3 xổ ngày 20/11/2022 của công ty SXKT Kiên Giang; Số hiệu: 289634A, 289634B và 289634C.

- 01 (một) con dao dài 21,5 cm. Lưỡi dao bằng kim loại dài 11,5 cm, nơi rộng nhất dài 2,8 cm và hẹp nhất về phần mũi dao, mũi nhọn. Cán dao bằng nhựa dài 10 cm, rộng 02 cm. Trên dao có chữ KIWI BRAND.

- 01 (một) giấy phép lái xe số AU093478 mang tên Trần Văn V.

- 01 (một) túi vải màu đen, kích thước (30 x 20) cm, có dây đeo, ký hiệu JP Jin GPin.

- 01 (một) bóp bằng vải, kích thước (22 x 09) cm.

- 01 (một) tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 2.000 đồng. Số sêri: BN8782518.

- 01 (một) tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 1.000 đồng. Số sêri: AF2447076.

- 01 (một) hợp đồng cầm cố tài sản Tri Trinh số 37/236 mang tên Trần Văn V, ký ngày 19/11/2022.

- 01 (một) phiếu hẹn nhận thẻ ATM ngân hàng BIDV mang tên Trần Văn D.

- 01 (một) giấy hẹn đã tiêm VACXIN COVID 19 mang tên Trần Văn D.

- 03 (ba) khẩu trang y tế màu xanh.

- Số tiền: 5.000.000 đồng gồm 10 tờ polyme mệnh giá 500.000 đồng/01 tờ, có các số sêri lần lượt là: VB14026548, DT14865567, NK19196304, TV17202733, RU16511436, NY16295745, YL16225548, NJ16542129, ZE14502756, XP19777653.

- 01 (một) đoạn dây xích dài 155 cm, gồm 57 khoen kim loại.

- 01 (một) ổ khoá kích thước (5,8 x 3,5) cm. Trên ổ khoá có chữ VIỆT TIỆP và 03 chìa khoá (05 x 02) cm, trên chìa có ghi chữ VIỆT TIỆP.

- 02 (hai) thẻ nhớ lưu trữ video ghi lại hình ảnh vụ việc xảy ra tại khách sạn Viễn Phương.

- Tiền Việt Nam: 10.000.000 đồng (Do anh Phan Thanh T, sinh năm: 1991, ĐKTT: Ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh T tự nguyện giao nộp để khắc phục số tiền đã thu lợi bất chính của Nguyễn Thị Kiều N).

- Tiền Việt Nam: 2.000.000 đồng (Do ông Trần Văn G, sinh năm 1971, ĐKTT: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh T là cha ruột của bị cáo Trần Thanh Q tự nguyện giao nộp để bồi thường thiệt hại).

Đối với 02 thanh kiếm và gậy bóng chày Mai Tấn L đã đem vứt bỏ xuống kênh Một tại ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh T trước cửa nhà L nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với các tờ vé số, dao, giấy phép lái xe, túi vải, bóp, tiền Việt Nam gồm: 01 tờ mệnh giá 2.000 đồng và 01 tờ 1.000 đồng, hợp đồng cầm cố tài sản, phiếu hẹn, giấy hẹn, khẩu trang y tế là tài sản cá nhân của D, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho D xong.

- Đối với số tiền 2.000.000 đồng do ông Trần Văn G là cha ruột của bị cáo Trần Thanh Q tự nguyện giao nộp để bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, việc bồi thường thiệt hại thì bị cáo Mai Tấn L đã thực hiện xong và không yêu cầu các bị cáo khác phải liên đới nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý bằng hình thức trả lại số tiền trên cho ông G.

Viện kiểm sát nhân dân ra quyết định chuyển các vật chứng gồm: Tiền Việt Nam: 10.000.000 đồng; 01 đoạn dây xích; 01 ổ khoá và 03 chìa khoá có đặc điểm nêu trên đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước chờ xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, anh Trần Văn D đã yêu cầu bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Gia đình bị cáo Mai Tấn L đã bồi thường xong.

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKSTP ngày 28/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Tân Phước để xét xử đối với các bị cáo Mai Tấn L, Nguyễn Thị Kiều N, Trần Văn V và Trần Thanh Q về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 157 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận xác định: Xuất phát từ việc Trần Văn D mượn tiền của Mai Tấn L nhưng sau đó không trả nợ mà bỏ trốn, L nhiều lần liên hệ nhưng không được. Nhằm với mục đích làm D xuất hiện để khống chế ép D và người thân phải trả nợ nên L đã tổ chức và thuê Nguyễn Thị Kiều N tìm cách kết bạn, nói chuyện tình cảm với D để D không nghi ngờ mà xuất hiện. Khi N cung cấp thông tin về thời gian và địa điểm mà D sẽ xuất hiện thì khoảng 06 giờ 50 phút ngày 20/11/2022, Mai Tấn L đã rủ Trần Văn V, Trần Thanh Q và 04 thanh niên khác (Chưa rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) chuẩn bị sẵn hung khí gồm: 02 thanh kiếm, dây xích, băng keo nhằm mục đích khống chế D. Tại khách sạn V sau khi đánh D gây thương tích, dùng băng kéo quần trói tay D, các bị cáo đã ép buộc D phải ra xe về nhà Mai Tấn L giữ đến 00 giờ ngày 21/11/2022 thì bị phát hiện. Như vậy, hành vi của Mai Tấn L, Nguyễn Thị Kiều N, Trần Văn V và Trần Thanh Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” nên phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 157; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Mai Tấn L từ 02 đến 03 năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều N từ 01 đến 02 năm tù,

xử phạt bị cáo Trần Văn V từ 01 đến 02 năm tù, xử phạt bị cáo Trần Thanh Q từ 01 đến 02 năm tù; xử lý vật chứng của vụ án và các bị cáo phải chịu án phí theo qui định.

Các bị cáo thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng*: Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phước, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, của Kiểm sát viên trong quá trình tiến hành tố tụng điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, tình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Mai Tấn L, Nguyễn Thị Kiều N, Trần Văn V và Trần Thanh Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình là do bị hại Trần Văn D mượn tiền của các bị cáo Mai Tấn L, Trần Văn V và Trần Thanh Q nhưng sau đó không trả nợ mà bỏ trốn, L nhiều lần liên hệ nhưng không được. Nhằm với mục đích làm D xuất hiện để khống chế ép D và người thân phải trả nợ nên L đã tổ chức và thuê Nguyễn Thị Kiều N tìm cách kết bạn, nói chuyện tình cảm với D để D không nghi ngờ mà xuất hiện. Khi N cung cấp thông tin về thời gian và địa điểm mà D sẽ xuất hiện thì khoảng 06 giờ 50 phút ngày 20/11/2022, Mai Tấn L đã rủ Trần Văn V, Trần Thanh Q và 04 thanh niên khác (Chưa rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) chuẩn bị sẵn hung khí gồm: 02 thanh kiếm, dây xích, băng keo nhằm mục đích khống chế D. Tại khách sạn V sau khi đánh D gây thương tích, dùng băng keo quấn trói tay D, các bị cáo đã ép buộc D phải ra xe về nhà Mai Tấn L giữ đến 00 giờ ngày 21/11/2022 thì bị phát hiện.

Lời thừa nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng trong vụ án. Xét thấy trước khi thực hiện hành vi tội phạm các bị cáo đã có sự bàn bạc, phân công vai trò, trách nhiệm vụ cụ thể của

từng bị cáo. Trong đó bị cáo Mai Tấn L là người chủ mưu, đề xướng. Còn các bị cáo Nguyễn Thị Kiều N, Trần Văn V và Trần Thanh Q là người thực hiện tội phạm. Đó đó có cơ sở xác định đây là vụ án đồng phạm có tổ chức. Do đó đã có đủ cơ sở để kết luận, hành vi phạm tội của các bị cáo Mai Tấn L, Nguyễn Thị Kiều N, Trần Văn V và Trần Thanh Q đã cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tội danh và hình phạt được quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 157 của Bộ luật hình sự năm 2015, nên bản cáo trạng số 41/CT-VKSTP ngày 28/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước truy tố các bị cáo Mai Tấn L, Nguyễn Thị Kiều N, Trần Văn V và Trần Thanh Q về tội danh và hình phạt đã nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo:* Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của anh Trần Văn D, quyền tự do dân chủ của công dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án, gây tư tưởng bất bình trong nhân dân. Các bị cáo nhận thức được rằng mọi công dân đều có quyền tự do dân chủ và được pháp luật bảo vệ một cách triệt để, việc xâm phạm đến các quyền này là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên do nóng lòng đòi tiền nợ đòi với bị hại mà các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội của mình. Lẽ ra khi gặp anh D ở khách sạn V thì các bị cáo phải hỏi rõ thực hư thế nào, việc làm biên nhận nợ và thanh toán nợ ra sao, nếu cần thiết thì báo chính quyền địa phương để giải quyết. Nhưng các bị cáo không thực hiện mà lại dùng vũ lực đánh, bắt trói, chở về nhà bị cáo L giữ, tra hỏi, buộc viết giấy nợ...thể hiện bản chất xem thường pháp luật, tính mạng, sức khỏe của người khác. Xã hội đang lên án những hành vi, việc làm như các bị cáo. Do đó cần áp dụng một mức hình phạt thật thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, để có thời gian giáo dục, cải tạo bản thân các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng quyền tự do hợp pháp của người khác, đồng thời để làm thức tỉnh những ai đang mang tư tưởng xem thường pháp luật, xâm phạm đến quyền tự do, dân chủ của công dân như các bị cáo.

[4] *Xét về tính chất đồng phạm trong vụ án:* Qua điều tra và diễn biến tại phiên tòa hôm nay xác định trước khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã có sự bàn bạc, phân công vai trò, trách nhiệm vụ cụ thể của từng bị cáo. Trong đó bị cáo Mai Tấn L là người chủ mưu, đề xướng. Còn các bị cáo Nguyễn Thị Kiều N, Trần Văn V và Trần Thanh Q là người thực hiện tội phạm. Đó đó có cơ sở xác định đây là vụ án đồng phạm có tổ chức.

[5] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo và hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:*

Bị cáo Mai Tấn L, Nguyễn Thị Kiều N, Trần Văn V và Trần Thanh Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này bị cáo Mai Tấn L là người giữ vai trò chính, bị cáo là người chủ mưu, đề xướng, đưa ra kế hoạch bắt anh D, trực tiếp giữ anh D tại nhà bị cáo và bị cáo có đánh anh D. Do đó bị cáo phải chịu hình phạt cao trong vụ án và cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Tuy nhiên cũng có xem xét giảm

nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo bởi sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại xong, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; là lao động chính trong gia đình, con còn nhỏ, bị hại xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án, lượng hình.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Kiều N trong vụ án này bị cáo là đồng phạm với vai trò là người thực hiện tội phạm. Khi bị cáo L yêu cầu bị cáo tìm cách dụ dỗ bị hại D xuất hiện và trả tiền công thì bị cáo đồng ý ngay, bị cáo đã cùng bị cáo L sắp xếp để đưa bị hại đến khách sạn để bị cáo L và các bị cáo khác bắt, giữ bị hại, sau đó nhận tiền công cao. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, cũng thể hiện tính quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo có thấp hơn so với bị cáo L, nên bị cáo phải chịu hình phạt thấp hơn so với bị cáo L. Tuy nhiên cũng có xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo bởi sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại xong, tự nguyện giao nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị hại xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có công với cách mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án, lượng hình.

Đối với bị cáo Trần Văn V và Trần Thanh Q trong vụ án này các bị cáo là đồng phạm với vai trò là người thực hiện tội phạm. Khi bị cáo L yêu cầu các bị cáo đi gặp bị hại D để đòi tiền thì các bị cáo đồng ý, khi đến khách sạn các bị cáo thực hiện theo sự sắp xếp của bị cáo L và cũng tham gia bắt, giữ bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, cũng thể hiện tính quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo có thấp hơn so với bị cáo L, nên bị cáo phải chịu hình phạt thấp hơn so với bị cáo L. Tuy nhiên cũng có xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo bởi sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại xong, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị hại xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án, lượng hình.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Nguyễn Thị Kiều N, Trần Văn V và Trần Thanh Q đã có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên Hội đồng thống nhất áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, quyết định xử phạt các bị cáo dưới mức hình phạt được quy định tại Khoản 2 Điều 157 của Bộ luật hình sự, nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo sớm về đoàn tụ gia đình, có thời gian lao động, cải tạo giúp ích cho gia đình và xã hội.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng đối với các bị cáo, do các bị cáo không phải là người có chức vụ.

[7] *Về vật chứng còn lại của vụ án*:

- 01 (một) đoạn dây xích dài 155 cm, gồm 57 khoen kim loại.
- 01 (một) ổ khoá kích thước (5,8 x 3,5) cm. Trên ổ khoá có chữ VIỆT TIỆP
- 03 chìa khoá (05 x 02) cm, trên chìa có ghi chữ VIỆT TIỆP.
- Tiền Việt Nam: 10.000.000 đồng (Do anh Phan Thanh T, sinh năm: 1991, ĐKTT: Ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh T tự nguyện giao nộp để khắc phục số tiền đã thu lợi bất chính của Nguyễn Thị Kiều N).
- Ngày 07/9/2023 bà Nguyễn Thị Cà M là mẹ của bị cáo Nguyễn Thị Kiều N nộp tiếp thay cho bị cáo số tiền 5.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

Xét thấy đối với đoạn dây xích, ổ khoá và chìa khoá là công cụ phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 15.000.000 đồng đã nộp của bị cáo Nguyễn Thị Kiều N là tiền thu lợi bất chính nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Trong quá trình điều tra, anh Trần Văn D đã yêu cầu bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Các bị cáo đã bồi thường xong. Anh Trần Văn D không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Trong vụ án này, ngoài việc có hành vi bắt, giữ người trái pháp luật thì các bị cáo và những người tham gia bắt giữ Trần Văn D còn có hành vi đánh anh D gây thương tích với tỷ lệ 05%. Tuy nhiên thương tích này được hình thành trong khi thực hiện hành vi bắt giữ và bị hại Trần Văn D không yêu cầu xử lý hình sự về hành vi này nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý hình sự về tội cố ý gây thương tích là có cơ sở.

[10] Đối với Lê Tấn H được Mai Tấn L thuê xe ô tô dịch vụ. Tuy nhiên, L không nói rõ cho H biết việc đi tìm, khống chế và trấn áp Trần Văn D để đưa về nhà L đòi nợ. Còn Lê Đình T không có hứa hẹn, không biết trước việc Mai Tấn L cùng đồng bọn bắt Trần Văn D đưa về nhà. Khi D được đưa về nhà L thì T đến gặp để đòi nợ nhưng không được nên T về. Riêng chị Nguyễn Thị C được L yêu cầu bố trí D và N vào phòng số 4 của khách sạn V nhưng L không nói rõ mục đích sắp xếp vào phòng này để làm gì. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét khởi tố Lê Tấn H, Lê Đình T và Nguyễn Thị C về tội bắt, giữ người trái pháp luật với vai trò đồng phạm là có cơ sở.

[11] Đối với túi vải chứa đồ dùng cá nhân và bóp vải chứa giấy tờ tùy thân và số tiền 5.000.000 đồng được phát hiện khi Mai Tấn L và đồng phạm thực hiện hành vi bắt giữ đối với Trần Văn D. Tuy nhiên những tài sản mang theo trên người D được mang về nhà L cất giữ cùng với việc thực hiện hành vi bắt giữ Trần Văn D trong nhà L. Trong quá trình điều tra xác định Mai Tấn L không có ý thức chiếm đoạt số tiền trên và khi lực lượng Công an phát hiện thì L đã chủ động giao nộp số tiền 5.000.000 đồng cùng với các đồ vật, tài sản cá nhân mà D mang theo nên Cơ quan

điều tra không khởi tố L và đồng phạm về hành vi chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng này là có căn cứ.

[12] Quá trình thực hiện hành vi bắt giữ người trái pháp luật thì ngoài bị cáo L, N, V và Q thì còn có 04 thanh niên tham gia cùng. Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa xác định được họ tên và địa chỉ cụ thể của 04 thanh niên này. Do vậy, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục, xác minh truy tìm và xử lý sau là phù hợp.

[13] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[14] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về tội danh, hình phạt, Hội đồng xét xử có ghi nhận khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Mai Tấn L, Nguyễn Thị Kiều N, Trần Văn V và Trần Thanh Q đã phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

- Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 157; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Mai Tấn L 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/3/2023.

- Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 157; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều N 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/3/2023.

Xử phạt bị cáo Trần Văn V 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/3/2023.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh Q 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/3/2023.

2. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kiều N phải nộp tiếp số tiền thu lợi bất chính là 35.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về vật chứng:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

- 01 (một) đoạn dây xích dài 155 cm, gồm 57 khoen kim loại.

- 01 (một) ổ khoá kích thước (5,8 x 3,5) cm. Trên ổ khoá có chữ VIỆT TIỆP

- 03 chìa khoá (05 x 02) cm, trên chìa có ghi chữ VIỆT TIỆP.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- Tiền Việt Nam: 10.000.000 đồng (Do anh Phan Thanh T, sinh năm: 1991, ĐKTT: Ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh T tự nguyện giao nộp để khắc phục số tiền đã thu lợi bất chính của Nguyễn Thị Kiều N).

- Tiền Việt Nam: 5.000.000 đồng (Do bà Nguyễn Thị Cà M là mẹ của bị cáo Nguyễn Thị Kiều N tự nguyện giao nộp để khắc phục số tiền đã thu lợi bất chính của Nguyễn Thị Kiều N).

Tất cả số vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang đang tạm giữ. Thực hiện việc tịch thu sung quỹ và tiêu hủy khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí:

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Mai Tấn L, Nguyễn Thị Kiều N, Trần Văn V và Trần Thanh Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người có liên quan có mặt tại phiên tòa được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- CAND huyện Tân Phước;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Khanh

